

LIÊN KẾT ĐÀO TẠO GIỮA DOANH NGHIỆP VÀ NHÀ TRƯỜNG THÔNG QUA DỰ ÁN DỊCH THUẬT THỰC TẾ

INDUSTRY – UNIVERSITY COLLABORATION IN TRAINING THROUGH AUTHENTIC TRANSLATION PROJECTS

Nguyễn Thị Thu Hương*

Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng, Việt Nam¹

*Tác giả liên hệ / Corresponding author: ntthhuong@ufl.udn.vn

(Nhận bài / Received: 24/6/2025; Sửa bài / Revised: 16/7/2025; Chấp nhận đăng / Accepted: 11/8/2025)

DOI: 10.31130/ud-jst.2025.23(8B).422

Tóm tắt - Bài viết trình bày một nghiên cứu lớp học (classroom research) nhằm khảo sát mức độ sẵn sàng của sinh viên khi triển khai dự án dịch thuật thực tế (DADTTT) trong một lớp học dịch nâng cao tại một trường đại học ở Việt Nam. Dữ liệu được thu thập từ quan sát lớp học, phản ánh cá nhân của sinh viên, sản phẩm dịch, phản hồi từ doanh nghiệp đối tác và nhật ký giảng dạy của giảng viên. Kết quả cho thấy sinh viên có nền tảng kiến thức chuyên môn tốt, khả năng tổ chức, làm việc nhóm và tư duy phân biện tích cực. Tuy nhiên, sinh viên còn hạn chế trong việc tuân thủ hướng dẫn kỹ thuật, và sử dụng thuật ngữ chuyên ngành. Nghiên cứu này đề xuất một mô hình phối hợp hiệu quả giữa nhà trường và doanh nghiệp, gồm ba yếu tố chính: thiết lập khung giao tiếp rõ ràng, chuẩn bị kỹ năng mềm cho sinh viên, và tổ chức học phân linh hoạt.

Từ khóa - Dự án dịch thuật thực tế; giảng dạy dịch thuật; quá trình dịch thuật; mức độ sẵn sàng; mô hình phối hợp

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự phát triển không ngừng của ngành ngôn ngữ, yêu cầu đối với người lao động ngày càng cao, đặc biệt là khả năng thích nghi, năng lực thực hành và hiểu biết về môi trường làm việc chuyên nghiệp. Đối với lĩnh vực đào tạo biên - phiên dịch, sự gắn kết giữa lý thuyết và thực tiễn càng trở nên cấp thiết khi nhiều khảo sát cho thấy sự chênh lệch lớn giữa năng lực của sinh viên mới ra trường và kỳ vọng của nhà tuyển dụng [1].

Để thu hẹp khoảng cách này, một trong những xu hướng nổi bật là triển khai các dự án dịch thuật thực tế ngay trong quá trình đào tạo. Đây là cách thức đưa sinh viên vào môi trường giả lập hoặc thật, nơi họ phải xử lý các nhiệm vụ như một biên dịch viên chuyên nghiệp. Hình thức học này không chỉ giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng chuyên môn, mà còn phát triển các năng lực mềm như quản lý dự án, giao tiếp khách hàng, làm việc nhóm và phân biện.

Dù các dự án dịch thuật thực tế đang được xem là một xu hướng đổi mới trong đào tạo biên phiên dịch, nhiều khoảng trống nghiên cứu quan trọng vẫn còn tồn tại [1], [2]. Xét về mặt địa lý, các nghiên cứu chủ yếu tập trung ở Châu Âu và hiếm gặp tại các quốc gia đang phát triển như Đông Nam Á hay Châu Phi – nơi mà điều kiện học tập, nguồn lực, và mối quan hệ giữa nhà trường và doanh nghiệp rất khác biệt. Mặc dù, các DADTTT đã được triển

Abstract - This paper examines the readiness of students to implement authentic translation projects in an advanced translation class at a university in Vietnam. Data were collected from classroom observations, students' reflections, translation products, feedback from partner companies, and lecturers' teaching diaries. The results show that students have a good foundation of professional knowledge, organisational skills, teamwork, and active critical thinking. However, students are limited in complying with technical instructions and using specialised terminology. This study proposes an effective collaboration model between schools and businesses, including three main elements: establishing a clear communication framework, preparing soft skills for students, and organizing flexible courses.

Key words - Authentic translation projects; translation teaching; translation process; readiness level; collaboration model

khai khá hiệu quả tại một số nước Châu Âu, tại Việt Nam mô hình này còn đang ở giai đoạn thử nghiệm, rời rạc và chưa có cơ chế phối hợp rõ ràng giữa doanh nghiệp và trường đại học. Nhiều chương trình đào tạo vẫn thiên về lý thuyết, trong khi doanh nghiệp đòi hỏi kỹ năng thực hành, khả năng làm việc nhóm, và quen thuộc với công cụ dịch thuật hiện đại [1]. Điều này tạo ra khoảng cách đáng kể giữa năng lực của sinh viên và nhu cầu thị trường lao động. Hầu như chưa có nghiên cứu tại Việt Nam nghiên cứu mức độ sẵn sàng của sinh viên trong việc thực hiện DADTTT về kiến thức, kỹ năng và thái độ liên quan.

Vì thế có thể đặt ra các vấn đề nghiên cứu trọng tâm trong bối cảnh Việt Nam như sau:

1. Mức độ sẵn sàng của sinh viên như thế nào khi triển khai DADTTT tại một lớp học Biên dịch ở trường đại học Việt Nam?

2. Những rào cản chính trong triển khai DADTTT là gì?

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp nghiên cứu lớp học (Classroom Research) với vai trò người viết là giảng viên trực tiếp giảng dạy học phần dịch thuật, đồng thời đóng vai trò phản tư (reflective practitioner) nhằm khảo sát mức độ sẵn sàng của sinh viên đối với việc tham gia các DADTTT, xác định các rào cản trong việc hợp tác với doanh nghiệp, qua đó nhằm đề xuất mô hình phối hợp hiệu quả giữa nhà trường và đơn vị sử dụng lao động. Thông

¹ The University of Danang - University of Foreign Language Studies, Vietnam (Nguyen Thi Thu Huong)

qua việc quan sát, ghi nhận và phản tư các buổi học, và bài tập nhóm, nghiên cứu đặt mục tiêu đóng góp vào khung lý thuyết và thực tiễn triển khai DADTTT trong bối cảnh giáo dục đại học tại Việt Nam.

2. Tổng quan nghiên cứu

2.1. Lý thuyết kiến tạo xã hội và giáo dục chuyển đổi

Lý thuyết kiến tạo xã hội do Vygotsky phát triển cho rằng việc học không chỉ là quá trình cá nhân tiếp nhận tri thức mà còn là hoạt động tương tác xã hội trong bối cảnh cụ thể. [3] đã vận dụng lý thuyết này vào đào tạo biên dịch, cho rằng việc học cần được đặt trong “cộng đồng thực hành” (community of practice) để sinh viên tự kiến tạo năng lực qua trải nghiệm thực tế. [3] nhấn mạnh vai trò của giáo viên như một “người hỗ trợ” (facilitator) thay vì là nguồn cung cấp kiến thức duy nhất.

Mô hình đào tạo chuyển đổi (transformational model) mà [3] đề xuất coi trọng việc chuyển vai trò từ giáo viên sang người học, tăng tính tự chủ và khả năng thích ứng của sinh viên. Trong môi trường dịch thuật, điều này đồng nghĩa với việc để sinh viên đảm nhận các vai trò thực tế như quản lý dự án, biên tập, giao tiếp với khách hàng – những điều hiếm khi có trong lớp học truyền thống.

2.2. Khái niệm, lợi ích và quy trình của “dự án dịch thuật thực tế”

Dự án dịch thuật thực tế là hình thức học tập trong đó sinh viên thực hiện nhiệm vụ dịch thật, do khách hàng hoặc đơn vị đối tác giao [4]. Điểm khác biệt so với bài tập dịch truyền thống là mục tiêu sản phẩm có tính ứng dụng và được sử dụng trong thực tiễn. Theo [4], điều này giúp sinh viên phát triển đồng thời năng lực chuyên môn, kỹ năng mềm và tư duy phản biện. Triển khai DADTTT giúp sinh viên biên phiên dịch rèn luyện kỹ năng toàn diện qua việc tham gia đầy đủ quy trình dịch chuyên nghiệp và làm việc với khách hàng. Điều này không chỉ tăng động lực học tập, ý thức nghề nghiệp mà còn giúp phát triển kỹ năng mềm như giao tiếp, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề. Đồng thời, dự án góp phần gắn kết nhà trường với doanh nghiệp, mở ra cơ hội thực tập, tuyển dụng và hợp tác bền vững.

Quy trình triển khai một dự án dịch thuật thực tế có thể được chia thành năm bước, giúp đảm bảo tính chuyên nghiệp và hiệu quả trong đào tạo [2], [4]. Quy trình triển khai DADTTT gồm 5 bước:

1. Thiết lập đối tác: Giảng viên liên hệ doanh nghiệp hoặc đơn vị có nhu cầu dịch, thỏa thuận rõ ràng yêu cầu, thời hạn và quyền lợi.

2. Xây dựng nhóm dịch: Chia sinh viên thành nhóm nhỏ với vai trò cụ thể; giảng viên đóng vai trò điều phối và giám sát.

3. Thực hiện dịch: Sinh viên phân tích văn bản, nghiên cứu khách hàng, dịch nhóm, phản biện chéo và ứng dụng công cụ dịch thuật.

4. Biên tập và hoàn thiện: Chỉnh sửa dựa trên phản hồi, đảm bảo bản dịch đạt chuẩn và đúng định dạng.

5. Phản tư và đánh giá: Sinh viên viết bài phản ánh; giảng viên chấm điểm theo chất lượng dịch, kỹ năng nhóm, phản biện và thái độ làm việc.

[4] mô tả một dự án dịch thuật trong đó sinh viên dịch nội dung một tác phẩm nghệ thuật để xuất bản song ngữ, với vai trò như những người dịch thực sự. Sau dự án, sinh viên viết bài phản ánh về quá trình làm việc, thể hiện sự nâng cao về tư duy phản biện, khả năng tự đánh giá và nhận thức sâu sắc hơn về nghề. [5] ghi nhận kết quả tích cực từ dự án hợp tác nội bộ giữa sinh viên và Phòng Truyền thông trường đại học. Dự án giúp sinh viên vận dụng công cụ dịch thuật, giao tiếp với khách hàng và thực hành quy trình dịch thuật chuyên nghiệp từ nhận đơn hàng đến giao nộp sản phẩm.

Mặc dù, các nghiên cứu như [4] và [5] đã ghi nhận hiệu quả tích cực của DADTTT, vẫn tồn tại một số khoảng trống nghiên cứu quan trọng. Thứ nhất, phần lớn các công trình hiện nay chỉ dừng lại ở mô tả tình huống và phản ánh cá nhân, thiếu dữ liệu định lượng hoặc theo dõi dài hạn để đánh giá tác động thực sự của DADTTT đối với năng lực nghề nghiệp của sinh viên. Thứ hai, trong khi phần lớn nghiên cứu tập trung tại các quốc gia phát triển, bối cảnh giáo dục tại các nước đang phát triển – như Việt Nam – vẫn còn thiếu được khai thác, đặc biệt trong việc triển khai DADTTT một cách bài bản và phù hợp với điều kiện nguồn lực. Như [1] đã nhận định, chương trình đào tạo dịch thuật tại Việt Nam còn nặng lý thuyết, thiếu kết nối với thực tế nghề nghiệp. Thứ ba, chưa có sự thống nhất về quy trình triển khai DADTTT, vai trò của các bên liên quan (giảng viên, doanh nghiệp, sinh viên) cũng chưa được làm rõ trong nhiều nghiên cứu hiện hành. Cuối cùng, còn thiếu các nghiên cứu đi sâu vào việc đánh giá sự phát triển của kỹ năng mềm và thái độ nghề nghiệp – những yếu tố then chốt nhưng thường bị xem nhẹ trong môi trường lớp học truyền thống. Mức độ sẵn sàng về kỹ năng, kiến thức, thái độ của sinh viên khi tham gia các DADTTT chưa được đánh giá. Những khoảng trống này đặt nền tảng cho việc mở rộng nghiên cứu trong các bối cảnh đa dạng hơn, với thiết kế sư phạm và đánh giá thực nghiệm rõ ràng hơn.

2.3. Mức độ sẵn sàng

Sự sẵn sàng nhìn chung được định nghĩa là sự tích hợp kiến thức, kỹ năng và thái độ như một điều kiện tiên quyết để thực hiện một công việc phù hợp [6]. Các lý thuyết về sự sẵn sàng làm việc nhấn mạnh rằng người học cần hiểu được phạm vi công việc và cần có năng lực tương ứng trước khi áp dụng hiệu quả kiến thức và kỹ năng, đồng thời cần có một thái độ thích hợp để thỏa mãn các yêu cầu về năng lực làm việc [6]. Do đó, kiến thức, kỹ năng và thái độ trong khi thực hiện nhiệm vụ dịch thuật là các yếu tố nổi bật then chốt cần được xem xét để xác định mức độ sẵn sàng của giảng viên và sinh viên trong nghiên cứu này. Kiến thức giúp sinh viên hiểu được yêu cầu nội dung và ngữ cảnh của văn bản; kỹ năng cho phép họ vận dụng công cụ dịch, xử lý phản hồi và làm việc nhóm hiệu quả; trong khi thái độ – như tinh thần trách nhiệm, sự chủ động và cầu thị – quyết định mức độ chuyên nghiệp trong từng giai đoạn của dự án. Việc quan sát sự thể hiện của các yếu tố này trong môi trường lớp học thực tế chính là cơ sở để đánh giá khả năng triển khai DADTTT trong đào tạo dịch thuật tại Việt Nam.

3. Mục tiêu nghiên cứu

Nghiên cứu này nhằm khảo sát khả năng triển khai các dự án dịch thuật thực tế trong bối cảnh lớp học Biên dịch

tại một trường đại học ở Việt Nam. Cụ thể, nghiên cứu tập trung vào hai mục tiêu chính. Thứ nhất, đánh giá mức độ sẵn sàng sinh viên khi tham gia DADTTT, bao gồm nền tảng kiến thức, kỹ năng, thái độ học tập, và năng lực phối hợp thực hiện dự án có yếu tố nghề nghiệp. Thứ hai, xác định các rào cản chính trong quá trình hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp dịch thuật, như sự khác biệt về kỳ vọng, quy trình làm việc, kỹ thuật chuyên môn và nguồn lực sự phạm hỗ trợ. Việc phân tích hai khía cạnh này sẽ góp phần đề xuất các mô hình phối hợp hiệu quả, khả thi hơn giữa nhà trường và doanh nghiệp trong việc nâng cao chất lượng đào tạo biên phiên dịch.

4. Phương pháp nghiên cứu

4.1. Nghiên cứu lớp học

Nghiên cứu này được thực hiện theo hướng nghiên cứu lớp học (Classroom Research), một dạng nghiên cứu hành động có sự tham gia trực tiếp của giảng viên trong vai trò người điều phối và phân tư sự phạm [7]. Giảng viên – đồng thời là người nghiên cứu – thực hiện các hoạt động như ghi nhật ký giảng dạy, quan sát phản ứng và tiến độ làm việc của sinh viên, thu thập sản phẩm học tập và bài phản ánh cá nhân, cũng như tổng hợp phản hồi từ phía doanh nghiệp đối tác. Nghiên cứu lớp học đặc biệt phù hợp với bối cảnh nghiên cứu này vì cách tiếp cận này phản ánh chân thực và trực tiếp những gì xảy ra trong quá trình học – dạy dịch thuật, đồng thời tạo điều kiện để giảng viên điều chỉnh chiến lược giảng dạy một cách linh hoạt dựa trên thực tiễn lớp học và phản hồi thực tế từ sinh viên cũng như doanh nghiệp.

4.2. Bối cảnh lớp học

Nghiên cứu được thực hiện trong học kỳ 2, năm 2024, tại một lớp học Dịch Nâng cao thuộc chương trình đào tạo Cử nhân Ngôn ngữ Anh, tại một trường ĐH của Việt Nam. Một nhóm sinh viên năm tư (4 sinh viên-SV1-4) được lựa chọn đã hoàn tất các học phần Dịch cơ bản và Dịch nâng cao, có kiến thức nền tảng vững chắc về lý thuyết dịch thuật, kỹ năng ngôn ngữ và khả năng làm việc nhóm. Giảng viên đồng thời là người nghiên cứu, đóng vai trò quan sát viên phân tư, thiết kế và điều phối hoạt động giảng dạy thông qua dự án dịch thuật thực tế.

4.3. Thiết kế dự án dịch thuật

DADTTT được triển khai với sự hợp tác của một công ty dịch thuật có trụ sở đặt tại một thành phố của Việt Nam, đơn vị cung cấp các văn bản thực tế như mẫu đơn, nội quy và tài liệu hướng dẫn liên quan đến môi trường giáo dục quốc tế. Một nhóm nhỏ sinh viên làm việc thực hiện nhiệm vụ dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Dự án tuân thủ theo quy trình 5 bước đã tổng hợp ở mục 2.2:

Thiết lập quan hệ đối tác: Thỏa thuận với doanh nghiệp về nội dung, định dạng văn bản, thời hạn và yêu cầu chất lượng. Giảng viên/người nghiên cứu là cộng tác viên bán thời gian của công ty. Để thực hiện nghiên cứu này, giảng viên chọn lựa 3 nhiệm vụ dịch với thể loại văn bản, độ dài và thời gian cần hoàn thành bản dịch khác nhau nhằm đa dạng hóa kinh nghiệm dịch thuật của sinh viên. Các thể loại văn bản gồm mẫu đơn, nội quy và báo cáo về chủ đề giáo dục với độ dài từ 500-1000 từ và thời gian yêu cầu thực hiện từ 3 ngày đến 1 tuần.

Xây dựng nhóm dịch: Lựa chọn sinh viên thành nhóm (4 SV), phân công vai trò (người dịch, biên tập viên, quản lý dự án). Vì nghiên cứu thử nghiệm Dự án dịch thuật thực tế, nên sinh viên được lựa chọn gồm các sinh viên có năng lực dịch thuật tốt và tích cực được quan sát qua quá trình học tập trên lớp.

Thực hiện dịch: Sinh viên dịch và biên tập nội dung, áp dụng công cụ hỗ trợ dịch nếu cần, thảo luận và phân biện trong nhóm. Khi nhận được nhiệm vụ dịch, giảng viên/người nghiên cứu hợp với nhóm sinh viên về yêu cầu dịch thuật, thời hạn dịch thuật và theo dõi phân công công việc giữa các thành viên. Sinh viên nộp bản cuối trước một ngày so với thời hạn bàn giao cho công ty.

Phản hồi và hoàn thiện: Giảng viên và doanh nghiệp phản hồi về bản nháp; sinh viên chỉnh sửa và hoàn thiện sản phẩm cuối cùng. Sinh viên nộp bản cuối trước một ngày so với thời hạn bàn giao cho công ty để giảng viên góp ý trước khi bàn giao cho công ty.

Phản ánh và đánh giá: Giảng viên tổ chức họp nhóm, rà soát sản phẩm và quá trình dịch của sinh viên. Sinh viên viết bài phản ánh quá trình tham gia dự án, trong khi giảng viên ghi nhận các quan sát và tự phản tư.

4.4. Thu thập và phân tích dữ liệu

Dữ liệu đánh giá mức độ sẵn sàng và rào cản triển khai DADTTT được thu thập qua: ghi chép quan sát lớp, nhật ký giảng dạy, sản phẩm dịch trước và sau chỉnh sửa, bản phản ánh cá nhân của sinh viên và phản hồi từ doanh nghiệp. Những nguồn này phản ánh tiến trình làm việc, khả năng phối hợp, tiếp thu phản hồi và nhận thức nghề nghiệp, đồng thời giúp giảng viên xác định thuận lợi, khó khăn và điều chỉnh phù hợp trong quá trình thực hiện dự án.

5. Kết quả và bàn luận

5.1. Mức độ sẵn sàng của sinh viên

5.1.1. Kiến thức chuyên môn

Quan sát lớp học và phản ánh cá nhân cho thấy phần lớn sinh viên có nền tảng kiến thức chuyên môn vững vàng. Sinh viên có khả năng phân tích văn bản, nhận diện các đặc điểm của văn bản như tác giả, mục đích của văn bản để có thể hiểu được văn phong và nội dung của văn bản. Qua thảo luận về dịch văn bản 1 liên quan đến văn bản hành chính, SV 3 cho rằng: “*Ngôn ngữ trong văn bản này khá trang trọng, có nhiều câu phức và các thuật ngữ chuyên ngành giáo dục. Em nghĩ bản dịch cũng cần giữ được văn phong này để tạo cảm giác chuyên nghiệp và trang trọng như bản gốc*”. Phản ánh này cho thấy sinh viên không chỉ nhận diện đặc điểm ngôn ngữ của văn bản nguồn mà còn hiểu được yêu cầu duy trì hiệu ứng tương đương về văn phong – một yếu tố then chốt trong dịch thuật hành chính.

Tuy nhiên, sinh viên còn gặp nhiều khó khăn khi xử lý thuật ngữ chuyên ngành, dẫn đến bản dịch chưa chính xác, và tự nhiên. Ví dụ như trong bản thảo bản dịch của Nhiệm vụ 3 (báo cáo học tập), nhóm sinh viên gặp khó khăn trong việc dịch cụm từ “case carrier”. Sau khi thảo luận cũng như tra cứu, nhóm quyết định sử dụng cụm từ tương đương “Người phụ trách trường hợp”, vốn chưa phản ánh được nội dung nét nghĩa của từ văn hóa này (Bản dịch phù hợp là “Nhân viên quản lý hồ sơ”). Điều này cho thấy kiến thức

văn hóa đóng vai trò quan trọng trong việc xử lý văn bản hành chính cũng như người dịch cần am hiểu lĩnh vực của ngành nghề liên quan. Hơn thế, một số bản dịch của sinh viên vẫn còn hạn chế về cách diễn đạt tự nhiên và phù hợp với văn phong hành chính tiếng Việt.

Nói tóm lại, sinh viên thể hiện nền tảng kiến thức dịch thuật vững, bao gồm hiểu biết về quy trình, chiến lược dịch và ý thức giữ văn phong phù hợp. Tuy nhiên, các em vẫn còn hạn chế về vốn thuật ngữ chuyên ngành, đặc biệt trong các lĩnh vực như giáo dục – hành chính, và cần rèn luyện thêm khả năng diễn đạt tự nhiên, linh hoạt theo ngữ cảnh tiếng Việt. Đây là những yếu tố then chốt cần được củng cố trong quá trình đào tạo nhằm nâng cao tính chuyên nghiệp và khả năng đáp ứng yêu cầu thực tế nghề nghiệp.

5.1.2. Kỹ năng thực hành

Trong quá trình triển khai dự án, sinh viên thể hiện mức độ khác nhau về kỹ năng thực hành nghề nghiệp. Về kỹ năng tổ chức, lãnh đạo, ngay trong buổi họp thứ hai của dự án đầu, sinh viên 1 (SV1) đã chủ động đề xuất phân chia tài liệu và tổ chức họp nhóm qua Zoom ngoài giờ học để phối hợp tiến độ. Trong quá trình làm việc nhóm, nhiều sinh viên thể hiện khả năng nhận xét và biên tập bản dịch của nhau một cách chủ động và có cơ sở. Các em không chỉ phát hiện lỗi sai về từ vựng hay ngữ pháp, mà còn đưa ra nhận định về mức độ tự nhiên và phù hợp ngữ cảnh của bản dịch. Ví dụ, trong một buổi thảo luận, SV2 góp ý với SV5: *“Câu này dịch sát nghĩa nhưng hơi cứng, mình thử dùng cách diễn đạt đơn giản hơn cho dễ hiểu, giống văn bản tiếng Việt hành chính hơn”*. Những trao đổi này cho thấy sinh viên đã bắt đầu phát triển tư duy phân biện và kỹ năng biên tập – những năng lực thiết yếu của người làm nghề dịch thuật.

Tuy nhiên, khảo nghiệm cho thấy có sinh viên không theo kịp hướng dẫn của doanh nghiệp. Ví dụ, sinh viên được giao nhiệm vụ dịch phụ đề (subtitles) và phải trình bày bản dịch tiếng Việt theo định dạng script cụ thể (với cột thời gian, nội dung, chú thích). Nhóm sinh viên đã nộp bản dịch theo định dạng văn bản thông thường, không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. Hậu quả là doanh nghiệp phản ánh rằng họ phải mất thêm thời gian để chỉnh sửa và định dạng lại toàn bộ nội dung, ảnh hưởng đến tiến độ dự án. SV4 chia sẻ: *“Em chưa từng làm phụ đề bao giờ nên không biết phải tuân thủ định dạng. Em cứ nghĩ miễn là dịch đúng là được”*.

Tóm lại, sinh viên thể hiện được kỹ năng tổ chức công việc, làm việc nhóm và tư duy phân biện khá tốt trong quá trình thực hiện dự án dịch thuật thực tế. Họ chủ động phân công vai trò, phối hợp hiệu quả và có khả năng đánh giá, góp ý sản phẩm của nhau một cách xây dựng. Tuy nhiên, nghiên cứu cho thấy một điểm hạn chế nổi bật là mức độ tuân thủ đầy đủ các hướng dẫn và yêu cầu kỹ thuật từ phía doanh nghiệp – bao gồm định dạng sản phẩm, sử dụng bảng thuật ngữ của sinh viên còn thấp. Vì thế, sinh viên cần được rèn luyện thêm về tính kỷ luật nghề nghiệp và năng lực thực thi theo tiêu chuẩn chuyên môn, vốn là yếu tố thiết yếu trong môi trường dịch thuật chuyên nghiệp.

5.1.3. Thái độ nghề nghiệp

Trong phản ánh cá nhân, nhiều sinh viên thể hiện sự hứng thú khi được tiếp cận với nhiệm vụ dịch thuật thực tế – một hình thức học tập khác biệt rõ rệt so với các bài tập

mô phỏng trong lớp. Một sinh viên (SV3) chia sẻ: *“Dự án giúp em lần đầu tiên thấy mình thực sự đóng vai trò là một biên dịch viên đúng nghĩa, chứ không chỉ là sinh viên làm bài tập”*. Phát biểu này cho thấy quá trình tham gia dự án không chỉ giúp sinh viên vận dụng kiến thức đã học mà còn tạo ra sự chuyển biến nhận thức nghề nghiệp, giúp họ hình dung rõ hơn về vai trò và kỳ vọng đối với một người làm nghề dịch thuật thực thụ.

Thái độ nghề nghiệp của sinh viên được thể hiện rõ qua sự chủ động, tinh thần trách nhiệm và cách phản hồi chuyên nghiệp trong suốt quá trình thực hiện dự án. Nhiều sinh viên thể hiện thái độ nghiêm túc khi tuân thủ thời hạn nộp bài, và tích cực phối hợp với các thành viên trong nhóm. Đây là những biểu hiện quan trọng cho thấy sinh viên đã bước đầu hình thành được tác phong làm việc chuyên nghiệp, phù hợp với môi trường dịch thuật thực tế. *“Làm thật với doanh nghiệp em thấy khác hẳn. Họ yêu cầu rõ ràng, mình phải đúng giờ, đúng định dạng, nếu không thì ảnh hưởng tới cả nhóm. Em thấy mình trưởng thành hơn”* (SV2).

Tuy nhiên, đôi khi sinh viên vẫn có tâm lý làm bài tập hơn là thực hiện một nhiệm vụ nghề nghiệp. Việc không tuân thủ yêu cầu kỹ thuật hay thiếu phối hợp khi sửa lỗi cho thấy còn tồn tại rào cản trong chuyển biến tư duy từ sinh viên sang người làm nghề.

Phân tích theo ba khía cạnh trên về kiến thức, kỹ năng và thái độ cho thấy rằng trong khi sinh viên đã có nền tảng kiến thức khá tốt và thái độ tích cực, thì kỹ năng xử lý các yêu cầu kỹ thuật và phản hồi chuyên nghiệp vẫn còn là thách thức. Những phát hiện này cho thấy tầm quan trọng của việc chuẩn bị đầy đủ cả ba yếu tố – kiến thức, kỹ năng và thái độ – trong thiết kế học phần gắn với DADTTT để đáp ứng yêu cầu của thị trường dịch thuật hiện nay.

5.2. Rào cản trong quá trình triển khai DADTTT

Việc triển khai dự án dịch thuật thực tế không chỉ giúp sinh viên phát triển toàn diện về kỹ năng mà còn mở rộng nhận thức nghề nghiệp. Tuy nhiên, một số thách thức cũng cần được giải quyết. Phân tích dữ liệu ghi chép lớp học và phản tư của sinh viên và giảng viên cho thấy ba nhóm rào cản chính:

Việc triển khai DADTTT còn gặp nhiều khó khăn về tổ chức sư phạm. Giảng viên phải đối mặt với hạn chế về số lượng đối tác, khối lượng tài liệu và thời hạn không đồng đều giữa các dự án, khiến việc tổ chức lớp thiếu ổn định. Dự án chỉ được thử nghiệm trên nhóm nhỏ, việc hướng dẫn công cụ dịch còn sơ lược, và giảng viên gặp khó khăn trong quản lý nhóm cũng như xử lý thuật ngữ chuyên ngành. Những hạn chế này cho thấy cần có kế hoạch cụ thể hơn về thời gian, tài nguyên và phương pháp để triển khai DADTTT hiệu quả và bền vững.

Về tâm lý và kỹ năng mềm, do đây là lần đầu tham gia dự án thực tế nên sinh viên còn thiếu tự tin, đặc biệt khi xử lý thuật ngữ chuyên ngành. Việc giao tiếp với doanh nghiệp thông qua giảng viên cũng làm giảm cơ hội rèn luyện kỹ năng giải quyết vấn đề và giao tiếp chuyên nghiệp trong môi trường thực tế.

Về phối hợp với doanh nghiệp, doanh nghiệp có thời gian hạn hẹp, không thể tham gia trực tiếp làm việc với sinh viên, phản hồi trực tiếp hoặc đào tạo bổ sung, dẫn đến một

số hướng dẫn không rõ ràng khiến sinh viên lúng túng khi thực hiện công việc. Trong nghiên cứu này, trong cả ba nhiệm vụ dịch thuật, doanh nghiệp không đưa ra chỉnh sửa cuối cùng để sinh viên học tập và rút kinh nghiệm thêm.

Tóm lại, dưới góc độ sư phạm, mô hình học này tạo điều kiện để người học chủ động, cộng tác và hình thành năng lực nghề nghiệp trong môi trường gần với thực tế nhất. Tuy nhiên, mức độ thành công của mô hình phụ thuộc vào sự đầu tư kỹ lưỡng trong khâu thiết kế dự án, năng lực của người hướng dẫn, và sự cam kết của các đối tác doanh nghiệp, do đó đặt ra những thách thức về thiết kế chương trình, và hỗ trợ sư phạm và đo lường hiệu quả.

6. Kết luận

Từ kết quả phân tư giảng dạy và phân tích dữ liệu lớp học, nghiên cứu đề xuất một mô hình phối hợp hiệu quả giữa nhà trường và doanh nghiệp khi triển khai các dự án dịch thuật thực tế, dựa trên ba yếu tố then chốt. Thứ nhất, cần thiết lập khung giao tiếp rõ ràng ngay từ đầu, bao gồm thỏa thuận cụ thể về lịch trình, cách thức phản hồi, định dạng sản phẩm và mức độ tham gia của doanh nghiệp vào quá trình hướng dẫn và đánh giá. Thứ hai, nhà trường nên chuẩn bị tâm lý và kỹ năng mềm cho sinh viên thông qua các buổi workshop tiền dự án, tập trung vào kỹ năng giao tiếp khách hàng, làm việc nhóm và sử dụng phần mềm dịch thuật. Thứ ba, cần có sự linh hoạt trong thiết kế học phần, như kéo dài thời lượng môn học hoặc tích hợp dự án vào mô-đun tốt nghiệp, nhằm đảm bảo tính liên tục và gắn kết giữa lý thuyết và thực tiễn. Mô hình này giúp tạo ra môi trường học tập thực tế, tăng tính sẵn sàng nghề nghiệp và nâng cao hiệu quả hợp tác ba bên: sinh viên – giảng viên – doanh nghiệp.

Bối cảnh Việt Nam hiện nay đòi hỏi phải cá nhân hóa các mô hình DADTTT để phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất, trình độ sinh viên và đặc thù thị trường dịch thuật trong nước. Các dự án quy mô nhỏ, do phòng truyền thông nội bộ hoặc tổ chức xã hội đặt hàng, có thể là điểm khởi đầu phù hợp. Việc phát triển mạng lưới đối tác từ doanh nghiệp dịch thuật hoặc đơn vị truyền thông trong và ngoài trường cũng rất quan trọng nhằm đảm bảo tính liên tục và thực tiễn của dự án.

Đây là một nghiên cứu trường hợp (case study) trong một lớp học cụ thể với quy mô nhỏ, nên kết quả không thể khái quát cho toàn bộ các chương trình đào tạo dịch thuật tại Việt Nam. Dữ liệu chủ yếu mang tính định tính (quan sát lớp học, phản ánh cá nhân, phản hồi doanh nghiệp), chưa có đo lường định lượng để đánh giá sự thay đổi cụ thể về năng lực sinh viên trước và sau dự án. Ngoài ra, mức độ tham gia của doanh nghiệp trong dự án còn ở mức cơ bản, chưa thể hiện rõ vai trò đồng kiến tạo trong toàn bộ chu trình đào tạo.

Dựa trên kết quả nghiên cứu, các hướng đi tiếp theo có thể bao gồm: (1) mở rộng khảo sát DADTTT ở quy mô lớn hơn và đa dạng bối cảnh để kiểm chứng tính phổ quát của mô hình; (2) nghiên cứu sâu hơn về vai trò và mức độ tham gia của doanh nghiệp trong quá trình đào tạo; và (3) theo dõi tác động lâu dài của DADTTT đến hành trình nghề nghiệp của sinh viên sau tốt nghiệp. Những hướng này sẽ góp phần hoàn thiện mô hình đào tạo dịch thuật thực tiễn và thúc đẩy sự gắn kết bền vững giữa nhà trường và doanh nghiệp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] T. T. Q. Do, "Translators' work requirements and graduates' preparedness: Multi-perspective data from Australia and Vietnam", *Asia Pacific Translation and Intercultural Studies*, vol. 7, no. 2, pp. 230–254, 2020, doi: 10.1080/23306343.2020.1750815.
- [2] E. Calvo and E. Arrés, "Convergence and gaps: A cross-case analysis of authentic translation projects implemented in translator education", *The Interpreter and Translator Trainer*, vol. 16, no. 3, pp. 358–377, 2022, doi: 10.1080/1750399X.2022.2100415.
- [3] D. Kiraly, "Beyond the static competence impasse in translator education", in *Translation and Meaning. New Series*, B. Lewandowska-Tomaszczyk et al., Eds., vol. 1. Frankfurt am Main, Germany: Peter Lang, 2016, pp. 129–142.
- [4] D. Korda, "Translation training: The use of authentic projects", *Current Trends in Translation Teaching and Learning E*, vol. 10, pp. 302–337, 2023, doi: 10.51287/cttl202310.
- [5] U. Paradowska, "Benefits and challenges of an intra-university authentic collaborative translation project", *New Voices in Translation Studies*, vol. 24, no. 1, pp. 23–45, 2021, doi: 10.14456/nvts.2021.3.
- [6] M. Eraut, *Developing Professional Knowledge and Competence*. London, U.K.: Psychology Press, 1994.
- [7] D. Hopkins, *A Teacher's Guide to Classroom Research*, 5th ed. Maidenhead, U.K.: Open University Press, 2014.